

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên quý III năm 2024

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ; trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác cải cách hành chính quý III năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện

- Công tác cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Thái Nguyên tiếp tục được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm, triển khai đồng bộ theo nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 26/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; triển khai Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ thời gian quy định.

- Trong quý III năm 2024, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động, bám sát các nội dung yêu cầu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC được giao như: Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Thái Nguyên năm 2024; Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC (Par Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (Sipas) tỉnh Thái Nguyên năm 2024; rà soát, công bố TTHC nội bộ các cơ quan, đơn vị; ban hành văn bản đôn đốc thực hiện triển khai Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; triển khai mô hình điểm "Chính quyền thân thiện, nhân dân phát huy quyền làm chủ" tại 20 UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh...

- Để chỉ đạo và tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2024, ngày 22/8/2024, UBND tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức Hội nghị đánh giá tiến độ Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch cải cách

hành chính năm 2024, đồng thời đề ra các giải pháp tiếp tục thực hiện có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ giao. Đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành 12/26 chỉ tiêu; đang thực hiện 14/26 chỉ tiêu được giao tại Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; trong 9 tháng đầu năm 2024, đã thực hiện 16/29 nhiệm vụ, 13/29 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện theo Kế hoạch CCHC năm 2024.

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 05/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về tuyên truyền CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2024, trong quý III, các cơ quan thông tin và truyền thông của tỉnh (Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh) đã chủ động thực hiện tuyên truyền về CCHC, xây dựng các chuyên đề, chuyên mục, phóng sự, đối thoại trực tuyến (Chính sách và cuộc sống, Chuyển đổi số, CCHC và PCI; cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính...), từ đầu năm đến nay đã thực hiện 296 tin, bài, phóng sự, chuyên đề... về công tác CCHC; Trang thông tin điện tử CCHC của tỉnh (<https://caicachhanhchinh.thainguyen.gov.vn/>) thường xuyên đăng tải 167 tin, bài, văn bản và các hoạt động về CCHC của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức 40 hội nghị phổ biến, tuyên truyền nội dung Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở để nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ (SIPAS) tại các xóm/tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động, tích cực tổ chức các cuộc thi về cải cách hành chính (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra tỉnh, UBND huyện Phú Lương, UBND thành phố Thái Nguyên,... với hình thức đa dạng (sân khấu hoá, trực tuyến...) góp phần nâng cao hiệu quả CCHC, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện CCHC.

3. Kiểm tra công tác CCHC

Nhằm đánh giá đúng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện CCHC và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, kịp thời thực hiện giải pháp khắc phục hạn chế, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch kiểm tra. Trong quý III, Đoàn kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2024⁽¹⁾ tiếp tục kiểm tra tại các đơn vị, địa phương nhằm đánh giá đúng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện CCHC và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, kịp thời thực hiện

⁽¹⁾ Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 29/12/2023 kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác CCHC; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2024; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 về việc thành lập đoàn kiểm tra về kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác CCHC; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2024.

giải pháp khắc phục hạn chế, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu và từng cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn tỉnh trong xử lý công việc phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Từ đầu năm đến nay đã tổ chức kiểm tra công vụ; kiểm tra CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tại 101 cơ quan, đơn vị, địa phương (bao gồm 05 sở, ban, ngành; 05 UBND cấp huyện và 91 đơn vị bao gồm UBND cấp xã và các đơn vị trực thuộc; các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh). Qua công tác kiểm tra cho thấy, các đơn vị, địa phương đã quan tâm thực hiện CCHC, việc thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo quy định; đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kịp thời xử lý, giải quyết dứt điểm một số tồn tại, hạn chế, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trong thi hành công vụ, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

4. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Kết quả thống kê trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ, từ đầu năm 2024 đến nay, UBND tỉnh Thái Nguyên được giao 131 nhiệm vụ, trong đó, đã thực hiện hoàn thành 109 nhiệm vụ đúng thời gian quy định, đang triển khai thực hiện 22 nhiệm vụ (trong hạn), không có nhiệm vụ quá hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL tiếp tục được các sở, ban, ngành tăng cường về chất lượng, đảm bảo kịp thời, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng; UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL điều chỉnh trên các lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu quản lý, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Từ đầu năm 2024 đến nay, HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành 42 văn bản QPPL (trong đó, bao gồm: 13 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 29 Quyết định của UBND tỉnh).

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6 thay thế Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 26/6/2024 thực hiện Quyết định số 635/QĐ-BTP ngày 12/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 109/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện một số nghị quyết của Quốc hội khóa XIV và từ đầu nhiệm kỳ khóa XV đến hết kỳ họp thứ 4 về giám sát chuyên đề, chất vấn trong lĩnh vực xây dựng, thực thi pháp luật,

pháp chế, giám định tư pháp và thi hành án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 7.

- Công tác thẩm định dự thảo văn bản QPPL được cơ quan tư pháp thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thời gian, đánh giá toàn diện các vấn đề cần thẩm định, đảm bảo 100% dự thảo văn bản được thẩm định trước khi ban hành. Thông qua hoạt động thẩm định đã kiến nghị điều chỉnh nhiều nội dung, góp phần hoàn thiện dự thảo; ý kiến thẩm định được cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện văn bản. Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp đã thực hiện thẩm định 31 hồ sơ dự thảo văn bản QPPL trong đó 05 dự thảo Nghị quyết, 26 dự thảo Quyết định.

1.2. Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2024, Đoàn Kiểm tra của tỉnh đã tiến hành kiểm tra, ban hành Kết luận văn bản QPPL tại huyện Võ Nhai, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ. Thực hiện báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, trên cơ sở đó kiến nghị Bộ, ngành xem xét, sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp để đảm bảo tính khả thi, thống nhất của hệ thống pháp luật.

1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 31/7/2024 triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 14/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc xử lý, giải quyết các vụ án hành chính và vụ việc dân sự liên quan đến đất đai trên địa bàn tỉnh. Ban hành Danh mục văn bản QPPL phục vụ công tác theo dõi thi hành pháp luật (Văn bản QPPL về an toàn thực phẩm; quản lý thuế; xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm).

- Đoàn Kiểm tra của tỉnh thực hiện các Kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với UBND huyện Phú Lương; Chi cục Thuế khu vực Phú Lương - Định Hóa; UBND huyện Võ Nhai; UBND các xã: La Hiên, Liên Minh thuộc huyện Võ Nhai.

1.4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030”; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hoà giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên". Tổng kết cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu Luật Đất đai năm 2024” và công nhận kết quả và trao giải thưởng cuộc thi cho tập thể, cá nhân.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả kiểm soát TTHC; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- Công tác cải cách TTHC tiếp tục được các đơn vị, địa phương quan tâm, qua đó kịp thời chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, rà soát, đánh giá TTHC năm 2024; truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; các văn bản chỉ đạo nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp; thực hiện rà soát, xây dựng danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa...

- Trong Quý III năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 21 Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ngành (Y tế; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngoại vụ; Công thương; Tư pháp; Tài chính; Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo; Giao thông Vận tải; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư) với tổng số 357 TTHC (Trong đó ban hành mới 196 TTHC, bãi bỏ 161 TTHC). Đến thời điểm hiện tại, tổng số TTHC đang có hiệu lực là 1.872 TTHC (trong đó cấp tỉnh là 1.465 TTHC, cấp huyện là 284 TTHC, cấp xã là 123 TTHC); số TTHC liên thông cùng cấp là 73 thủ tục, số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền là 59 thủ tục; số TTHC được phê duyệt quy trình nội bộ là 1.872 TTHC (tỷ lệ 100%).

- UBND tỉnh đã tổ chức tiếp nhận và trả lời phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức 38 phản ánh, kiến nghị (19 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; 19 phản ánh kiến nghị về hành vi hành chính). Trong đó 36 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận trong kỳ; 02 phản ánh kiến nghị từ kỳ trước chuyển sang. 32 phản ánh, kiến nghị đã có kết quả trả lời và được đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định; 06 phản ánh, kiến nghị chưa có kết quả trả lời (04 phản ánh, kiến nghị đang trong thời hạn giải quyết; 02 phản ánh, kiến nghị chậm hạn giải quyết).

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh tiếp tục thực hiện tốt hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận giải quyết hồ sơ TTHC, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân đến Trung tâm đề nghị giải quyết TTHC. Từ đầu năm đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận tổng số 511.080 hồ sơ TTHC; đã giải quyết 496.191 hồ sơ TTHC, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 99,78%.

- Kết quả triển khai Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia của tỉnh Thái Nguyên: Chỉ số công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công của tỉnh đạt 12,3/18 điểm; giải quyết TTHC đạt 19,1/20 điểm; chỉ số dịch vụ công trực tuyến đạt 7,4/12 điểm; chỉ số thanh toán trực tuyến đạt 9,8/10 điểm; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 17,8/22 điểm. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành tập trung rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thường xuyên rà soát đề kiến nghị với các bộ, ngành trung ương sửa đổi, tái cấu trúc quy trình TTHC để thực hiện Dịch vụ công trực tuyến.

3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

3.1. Thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định

Trong quý III năm 2024, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị tinh gọn hiệu lực, hiệu quả; kiện toàn, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn đầu mối, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có khả năng tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

3.1.1. Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư của các Bộ, ngành quy định chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND tỉnh Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 về việc đề nghị sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên (Tổ chức lại Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tỉnh Thái Nguyên, với tên gọi Chi cục Dân số tỉnh Thái Nguyên). Hiện nay số lượng sở, ban, ngành và tương đương thuộc tỉnh Thái Nguyên là 21 cơ quan, tổ chức; số lượng phòng trực thuộc sở, ban và tương đương, chi cục thuộc sở là 132 tổ chức; số lượng phòng và tương đương trực thuộc UBND cấp huyện là 116 tổ chức.

3.1.2. Về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)

Tỉnh Thái Nguyên tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình

hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL, tỉnh Thái Nguyên đã rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị SNCL theo hướng tinh gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL, đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị có khả năng tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 về việc tổ chức lại và đổi tên Trung tâm Kiểm định Chất lượng và Tư vấn xây dựng giao thông Thái Nguyên thành Ban quản lý bảo trì và Tư vấn xây dựng giao thông trực thuộc Sở Giao thông Vận tải. Thực hiện sáp nhập 08 trường học thuộc UBND các huyện, thành phố: Đại Từ, Định Hoá và thành phố Thái Nguyên (giảm 04 đầu mối đơn vị SNCL)⁽²⁾.

Hiện nay, tổng số đơn vị sự nghiệp là 777 đơn vị (trong đó, gồm: 07 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh⁽³⁾, 105 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành và tương đương⁽⁴⁾, 665 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện)⁽⁵⁾, do thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh như sáp nhập, giải thể, tổ chức lại tỉnh Thái Nguyên đã giảm 20 đơn vị so với năm 2021.

3.1.3. Về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

⁽²⁾ Quyết định số 4412/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND huyện Định Hoá về việc sáp nhập Trường TH Phúc Chu và Trường THCS Phúc Chu thuộc huyện Định Hoá; Quyết định số 4421/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND huyện Định Hoá về việc sáp nhập Trường TH Định Biên và Trường THCS Định Biên thuộc huyện Định Hoá; Quyết định số 3710/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của UBND huyện Đại Từ về việc sáp nhập Trường TH Việt Ấn và Trường THCS Việt Ấn thành Trường Tiểu học và THCS Việt Ấn; Quyết định số 7957/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc sáp nhập Trường TH Sơn Cẩm 2 và Trường THCS Sơn Cẩm 2 thành Trường TH và THCS Sơn Cẩm 2.

⁽³⁾ 07 đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh gồm: Trường Cao đẳng Thái Nguyên; Trường Cao đẳng Y tế; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Quỹ phát triển đất; Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

⁽⁴⁾ 105 đơn vị SNCL thuộc sở, ngành gồm: Sự nghiệp giáo dục và đào tạo 33 đơn vị; giáo dục nghề nghiệp 02 đơn vị; y tế 25 đơn vị; khoa học và công nghệ 01 đơn vị; thông tin và truyền thông 02 đơn vị; văn hoá, thể thao và du lịch 08 đơn vị; sự nghiệp khác 34 đơn vị.

⁽⁵⁾ 665 đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện gồm: Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo 601 đơn vị; giáo dục nghề nghiệp 09 đơn vị; văn hoá thể thao và du lịch 10 đơn vị; sự nghiệp khác 45 đơn vị.

cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, thời gian qua, tỉnh Thái Nguyên đã khẩn trương xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 đảm bảo đúng quy định, quy trình và kế hoạch của Trung ương, của tỉnh. Tiến hành sắp xếp 16 đơn vị hành chính cấp xã (trong đó có 03 đơn vị thuộc diện sắp xếp, 05 đơn vị thuộc diện khuyến khích và 08 đơn vị có liên quan). Sau khi sắp xếp sẽ giảm 06 đơn vị hành chính cấp xã (giảm 8 xã, tăng 02 phường).

Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thiện hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023 - 2025 để trình Chính phủ.

3.2. Xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị.

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm của các Bộ chuyên ngành và các hướng dẫn về vị trí việc làm của Bộ Nội vụ, tỉnh Thái Nguyên đã thẩm định Đề án và ban hành Quyết định phê duyệt vị trí việc làm cho các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền đúng quy định. Đến nay, tỉnh Thái Nguyên quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đối với 30 Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính; thẩm định và phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp đối với 24 Đề án vị trí việc làm của 730 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh⁽⁶⁾.

3.3. Quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, tinh giản biên chế

Năm 2024, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp, đảm bảo đúng số lượng biên chế được Bộ Nội vụ giao, cụ thể:

+ Giao 1.887 biên chế hành chính.

+ Giao 25.435 biên chế sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên⁽⁷⁾.

⁽⁶⁾ 06/30 sở, ban, ngành không có đơn vị SNCL; 51/781 đơn vị SNCL tự chủ (do đó 51 đơn vị không phê duyệt vị trí việc làm).

⁽⁷⁾ Biên chế viên chức giao năm 2024 theo Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh là 24.343 biên chế và giao bổ sung biên chế giáo dục năm 2024 theo Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh là 1.092 biên chế.

+ Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được giao năm 2024: 3.827 cán bộ, công chức cấp xã, trong đó, được giao tăng thêm 109 cán bộ, công chức cấp xã⁽⁸⁾. Hiện nay, tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên toàn tỉnh hiện có 3.495 người, gồm 1.939 cán bộ cấp xã và 1.556 công chức cấp xã.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Thực hiện tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức

Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện nghiêm theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan. Công chức, viên chức được tuyển dụng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm tuyển dụng. Việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức cơ bản phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường công tác.

Việc tuyển dụng công chức, viên chức được UBND tỉnh phân cấp cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện và phân cấp cho các trường THPT thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các bệnh viện từ hạng II trở lên thuộc Sở Y tế. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động trong công tác tuyển dụng, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Kết quả: Tuyển dụng công chức 05 trường hợp; tuyển dụng viên chức đối với 440 trường hợp.

4.2. Thực hiện chế độ, chính sách nghỉ công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức và tinh giản biên chế

Từ đầu năm 2024 đến nay, thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về tinh giản biên chế, tỉnh thực hiện tinh giản biên chế đối với 44 trường hợp (05 công chức, 39 viên chức). Thực hiện Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên đã tinh giản được 231 trường hợp (17 công chức, 198 viên chức, 16 cán bộ công chức cấp xã); phê duyệt danh sách cán bộ, công chức cấp xã nghỉ chế độ theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP đối với 02 trường hợp.

4.3. Thực hiện thi nâng ngạch, thăng hạng viên chức; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

4.3.1. Thực hiện thi nâng ngạch, thăng hạng viên chức

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện theo phân công, phân cấp; chỉ tiêu

⁽⁸⁾Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 08/01/2024 của HĐND tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức của từng cơ quan, đơn vị. Tổ chức công tác xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III các chức danh kế toán, hành chính, văn thư; đã bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với 458 viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III các chuyên ngành văn hoá, thông tin.

4.3.2. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch của tỉnh; rà soát nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đăng ký, chọn cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai thẩm định chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ các lĩnh vực của 4 sở, ngành (Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên năm 2024 (Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 28/2/2024) đến nay đã hoàn thành 138/173 lớp (đạt tỷ lệ 80%) với 14.023 học viên.

4.4. Về cán bộ, công chức cấp xã

Thực hiện các quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, các địa phương tiếp tục tổ chức quán triệt, phổ biến và nghiêm túc triển khai thực hiện việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã nhằm bảo đảm bộ máy của hệ thống chính trị cấp xã được tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Hiện nay, tổng số cán bộ, công chức cấp xã trên toàn tỉnh hiện có 3.495 người, gồm 1.939 cán bộ cấp xã và 1.556 công chức cấp xã. Trong đó cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên chiếm 90%, trình độ trung cấp chiếm 10%; công chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên chiếm 92%, trình độ trung cấp chiếm 8%.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện thu ngân sách nhà nước từ đầu năm đến nay (31/8/2024) đạt 10.036.223 tỷ đồng, bằng 68,8% so với dự toán Chính phủ giao; bằng 56,8% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 110,5 % so với cùng kỳ; thực hiện thanh toán vốn kế hoạch năm 2024 là 2.785.544/5.612.041 triệu đồng đạt 49,6% kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao.

5.1. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí trong quản lý hành chính:

Cơ quan cấp tỉnh: Số lượng sở, ban, ngành cấp tỉnh: 46 đơn vị; số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 46 đơn vị; 100% đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

Cơ quan cấp huyện: Số lượng cơ quan chuyên môn, đảng đoàn thể cấp huyện: 171 đơn vị; số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 171 đơn vị; 100% đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

5.2. Tình hình thực hiện giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập là 777, trong đó:

- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: 01 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: 51 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 177 đơn vị;
- + Số đơn vị NN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 548 đơn vị

- Thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp nhà nước quản lý, sử dụng nhà, đất trên địa bàn tỉnh, đến nay, tổng số cơ sở nhà đất phải thực hiện sắp xếp lại, xử lý là 1.790 cơ sở, trong đó, số cơ sở nhà đất đã thực hiện sắp xếp lại, xử lý là 1.514 cơ sở.

- Đối với việc thẩm định phương án tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh giao Sở Tài chính phối hợp với các sở chuyên ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập để hướng dẫn các đơn vị lập phương án tự chủ theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước: Thực hiện Cổ phần hoá đối với Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên đến năm 2025; thực hiện thoái vốn Nhà nước tại 4 doanh nghiệp, cổ phần hoá với 02 doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi 04 đơn vị SNCL thành công ty cổ phần.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Về công tác triển khai xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số ở địa phương

- UBND tỉnh Thái Nguyên tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch về chuyển đổi số; Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án Phát triển dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

- Tổ chức kiểm tra hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý, đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 “50% các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý” và đến năm 2030 “70% các hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý”.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng, dữ liệu xây dựng chính quyền số

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; triển khai hạ tầng kết nối, giám sát mạng truyền số liệu chuyên dùng đối với 36 kênh cấp tỉnh, huyện và 177/177 kênh cấp xã, phường.

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thái Nguyên vận hành ổn định phục vụ hoạt động điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành vận hành ổn định, từ đầu năm 2024 đến nay đã thực hiện đã nhận/gửi 576.992 văn bản điện tử giữa 1.960 đơn vị.

6.3. Kết quả triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp giải pháp kết nối xác thực thông qua nền tảng định danh điện tử VNeID tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết TTHC. Thực hiện tích hợp 53 dịch vụ công thiết yếu (25 dịch vụ công theo Đề án 06 và 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối liên thông đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chia sẻ, khai thác dữ liệu, phục vụ công tác giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công của tỉnh.

- Đối với CSDL quốc gia về Bảo hiểm xã hội, đến nay, toàn tỉnh có 529.500 tài khoản giao dịch điện tử cá nhân được phê duyệt (tài khoản dùng trên ứng dụng VssID và cổng DVC BHXH Việt Nam). Tổ chức rà soát, làm sạch được 1.258.423/1.263.703 người tham gia BHXH, BHYT (không bao gồm lực lượng vũ trang, người làm công tác cơ yếu, người có quốc tịch nước ngoài), đạt 99,58%.

- Triển khai tạo tài khoản an sinh chi trả chính sách xã hội: Tổng số đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã được tạo tài khoản là 77.866/80.940 đối tượng đạt 96,2% ⁽⁹⁾.

⁽⁹⁾ Trong đó: Số tài khoản đối tượng người có công là 17.428/18.968 đối tượng đạt 91,88%; đối tượng Bảo trợ xã hội là 42.275/42.275 đối tượng đạt 100%; đối tượng Hộ nghèo, hộ cận nghèo là 18.163/19.697 đối tượng 92,22%.

6.4. Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến

- Tỉnh Thái Nguyên đang cung cấp 1.650 dịch vụ công trực tuyến và được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (932 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 718 dịch vụ công trực tuyến một phần). Hiện nay 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đã được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh. Theo số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia: Số tài khoản của người dân được cấp định danh và xác thực điện tử 906.415 tài khoản; của doanh nghiệp là 679 tài khoản).

- Đẩy mạnh việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC phục vụ việc tái sử dụng dữ liệu, đến nay tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của tỉnh đạt 76,38%, tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 79,02%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá 83,82%; triển khai thanh toán trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công, tạo điều kiện thuận lợi và giảm phiền hà cho người dân, doanh nghiệp: Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến là đạt 71,64%, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 79,16%.

6.5. Triển khai ứng dụng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện các ứng dụng số được triển khai phục vụ các nhu cầu của người dân được xây dựng và triển khai hiệu quả như Sàn giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên, sổ sức khỏe điện tử, sổ bảo hiểm xã hội điện tử... 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng CCCD gắn chip điện tử. Triển khai nhân rộng mô hình chợ 4.0; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, giải quyết TTHC; thiết lập thêm nhiều kênh cung cấp thông tin về giải quyết TTHC như cung cấp khả năng liên kết truy cập thông tin về TTHC, truy cập đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên và Cổng dịch vụ công quốc gia từ qua các ứng dụng mạng xã hội, qua các ứng dụng số của tỉnh như: Ứng dụng công dân số C-Thainguyen, xã hội số Thainguyen-ID...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác CCHC tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm; kết quả triển khai CCHC của tỉnh được bộ, ngành Trung ương đánh giá cao thông qua kết quả các Chỉ số về CCHC.

- Chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông ngày một nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các giao dịch. Công tác kiểm tra CCHC, kiểm tra công vụ được tăng cường, nâng cao ý thức, trách nhiệm phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức và siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị đúng quy định, phù hợp về chức năng, nhiệm vụ; thực hiện chính sách tinh giản biên chế đảm bảo tỷ lệ theo kế hoạch giao.

- Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần thay đổi diện mạo nền hành chính, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Việc triển khai thực hiện một số chỉ tiêu Chương trình CCHC giai đoạn 2021 - 2025 còn gặp những khó khăn, vướng mắc như: Giảm tối thiểu bình quân cả tỉnh 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập; đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; trên 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý...

- Trách nhiệm của người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị chưa cao; việc thực hiện kiểm tra CCHC, kiểm tra thực hiện công vụ của một số cơ quan, địa phương chưa thường xuyên, có nơi hình thức.

- Công chức giải quyết TTHC phải thao tác trên nhiều hệ thống thông tin, dẫn đến mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ tiếp nhận xử lý công việc... Một bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hạn chế về năng lực, thiếu trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ chưa cao, nhất là cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC.

- Việc đồng bộ số liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia gặp khó khăn, dẫn đến chưa đồng bộ được 100% số hồ sơ theo yêu cầu.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ; Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025; Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025. Tiếp tục triển khai hoàn thành 100% nhiệm vụ (29 nhiệm vụ trọng tâm) tại Kế hoạch CCHC năm 2024 được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 27/12/2023.

2. Rà soát, tăng cường các giải pháp thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch của UBND tỉnh duy trì, nâng cao 03 Chỉ số về CCHC gồm: Chỉ số CCHC (Par Index),

Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

3. Tập trung rà soát, đề xuất đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC; đẩy mạnh số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC tại 03 cấp chính quyền.

4. Tiếp tục kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công để chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính, tập trung vào việc giải quyết hồ sơ công việc phục vụ người dân, tổ chức, công tác tiếp công dân, việc thi hành chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về công tác CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công cho đội ngũ cán bộ, công chức.

6. Ban hành và triển khai Bộ tiêu chí đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo Quy định số 124-QĐ/TW ngày 04/10/2023 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

7. Tiếp tục triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

8. Triển khai cấp Phiếu lý lịch tư pháp thông qua ứng dụng VneID từ 01/10/2024 theo chỉ đạo của Chính phủ.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét, báo cáo, đề xuất Chính phủ điều chỉnh mục tiêu Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, trong đó có 04 mục tiêu đến năm 2025 rất khó thực hiện và cho phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương như:

(1) Giảm tối thiểu bình quân cả tỉnh 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập;

(2) đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;

(3) 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

(4) trên 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

(Có các biểu thống kê kèm theo)

Trên đây là báo cáo kết quả công tác CCHC quý III năm 2024, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định././ *TL*

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Văn phòng Tỉnh ủy;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, HCC. *TL*
- Ntkc.9/2023. *TL*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



TL
Lê Quang Tiến

THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN QUÝ III NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 183 /BC-UBND ngày 19 /9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	37	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	55,2	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16	
3	Kiểm tra CCHC		10	
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	12	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	12	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	1	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	1	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	131	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	109	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
II. Cải cách thể chế				
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	42	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	01	Huyện Phú Bình
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	01	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	01	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	116	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	20	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
III. Cải cách thủ tục hành chính				
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số danh mục TTHC công bố mới	Thủ tục	196	
1.3.	Số danh mục TTHC bãi bỏ	Thủ tục	161	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1872	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	1465	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục	284	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	123	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	73	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	59	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	3	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,80	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	163.242	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	162.925	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,92	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	32.661	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	32.309	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,87	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	300.288	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	299.886	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	38	06 PAKN chưa có kết quả trả lời
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	32	
IV. Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	19 sở, ngành
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	9 đơn vị cấp huyện
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	59	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	777	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	7	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	105	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	665	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	13,86	125 đơn vị
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.887	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.781	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	24	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	13,2	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25.435	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	22.943	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	243	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	16	
V. Cải cách chế độ công vụ				
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	30	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	777	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	5	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	Không còn thủ tục

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	440	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
VI. Cải cách tài chính công				
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	49,6	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	5.612.041	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.785.544	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	777	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	01	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	51	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	177	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	548	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Chưa có = 0; 2 cấp = 1; 3 cấp = 2	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	207/207 đơn vị
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0; Đang làm = 1; Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	932	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	932	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	93,79	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	435	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	408	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	89,2	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	60.283	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	53.775	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	89,79	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	124.523	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	111.806	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	286	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	286	